

ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC

BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 12/2025
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN NÂNG CAO

Thời gian: 15h00 * Ngày thi: 20/12/2025

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
						KTC	THUD	KẾT QUẢ	
1	28212305883	Nguyễn Hoàng Anh	30/06/2004	Quảng Bình	31TYC3	6.7	3.3	Không Đạt	
2	28204825385	Trần Mai Anh	25/11/2004	Thái Bình	31CHT8	3.3	5.0	Không Đạt	
3	27202241869	Võ Thị Kiều Anh	26/05/2003	Nghệ An	31CHT7	6.3	3.8	Không Đạt	
4	28212201361	Đặng Quốc Bảo	25/10/2004	Nghệ An	31CHT7	4.7	6.0	Không Đạt	
5	28212320014	Cái Viết Cung	18/05/2004	Quảng Trị	31TSC11	8.7	5.0	Đạt	
6	28214637683	Ông Văn Cường	10/02/2004	Đà Nẵng	31CHT7	6.0	6.3	Đạt	
7	29203450296	Nguyễn Thị Thành Danh	07/07/2005	Bình Định	31CBN4	5.7	5.0	Đạt	
8	28214552805	Nguyễn Việt Quốc Đạt	09/08/2004	Đà Nẵng	31TSC11	8.7	8.0	Đạt	
9	28212300010	Trịnh Hồ Tiến Đạt	11/07/2004	Quảng Nam	31TSC11	9.3	9.0	Đạt	
10	28214639639	Văn Thị Thúy Diễm	15/08/2004	Đà Nẵng	31CHT7	8.3	6.0	Đạt	
11	28212200950	Nguyễn Văn Đức	15/03/2004	Quảng Nam	31CHT7	7.3	6.0	Đạt	
12	28208149389	Nguyễn Thùy Dung	22/04/2004	Đà Nẵng	31CHT7	6.3	6.5	Đạt	
13	27206301535	Đinh Thị Thùy Dương	13/10/2003	Quảng Ngãi	31CHT8	4.3	5.0	Không Đạt	
14	28206702044	Trần Thị Mỹ Duyên	15/08/2004	Quảng Nam	31TSC11	9.0	5.5	Đạt	
15	29204950766	Trương Thị Lan Duyên	09/09/2005	Quảng Nam	31THT8	9.0	5.5	Đạt	
16	27202443530	Mang Thị Ngọc Hà	02/01/2003	Gia Lai	31SHT6	5.3	5.0	Đạt	
17	28204648077	Phan Thị Ngọc Hải	02/04/2004	Thừa Thiên H	31CHT7	9.0	7.5	Đạt	
18	27212154241	Kiều Văn Hậu	20/10/2003	Đà Nẵng	30TBN3	9.3	5.0	Đạt	
19	27212102849	Quách Hải Hậu	04/01/2003	Đà Nẵng	31CHT8	8.3	9.3	Đạt	
20	28206232346	Trần Thị Diệu Hiền	08/05/2004	Đà Nẵng	31TSC11	9.0	7.8	Đạt	
21	28204401029	Võ Thị Hiếu	07/09/2004	Kon Tum	31TYC9	8.0	5.5	Đạt	
22	27207100174	Nguyễn Thị Kim Hồng	01/08/2003	Quảng Nam	30CBN3	7.3	5.0	Đạt	
23	28214953737	Hoàng Đình Hùng	05/03/2004	Gia Lai	31CHT8	0.0	0.0	Không Đạt	
24	28212306404	Lê Phạm Việt Hưng	10/11/2004	Đắk Lắk	31TSC11	7.3	6.8	Đạt	
25	28206550385	Đinh Ngọc Minh Hương	28/08/2004	Quảng Nam	31SSC5	5.3	4.0	Không Đạt	
26	28204538619	Hồ Xuân Hương	16/04/2004	Bình Định	31CHT8	8.0	5.8	Đạt	
27	28212304058	Cao Hữu Đan Huy	10/11/2004	Đắk Lắk	31TSC11	8.7	5.0	Đạt	
28	28206237453	Lê Khánh Huyền	29/05/2004	Đà Nẵng	31TSC11	8.3	6.0	Đạt	
29	28212304616	Võ Đăng Kha	27/11/2004	Quảng Ngãi	31TSC11	9.0	5.5	Đạt	
30	28218136340	Lương Văn Khoa	10/11/2004	Đà Nẵng	31TSC11	7.0	5.0	Đạt	
31	28212353238	Đoàn Đức Kiệt	30/03/2004	Đà Nẵng	31TSC11	8.3	8.0	Đạt	
32	28206501064	Nguyễn Thị Thúy Kiều	26/02/2004	Quảng Ngãi	31CHT7	9.7	5.0	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
33	27216644236	Phan Diệp	Lâm	07/03/2003	Phú Yên	31CHT8	8.3	5.0	Đạt	
34	27205241924	Đỗ Thị Bích	Lệ	10/03/2003	Bình Định	31CBN4	10.0	5.0	Đạt	
35	0703937643	Nguyễn Đoàn Thị	Liên	13/09/2004	Đà Nẵng	31TSC11	4.3	2.6	Không Đạt	
36	29208155847	Đinh Ngọc	Linh	30/07/2005	Quảng Nam	31TSC11	8.3	2.8	Không Đạt	
37	30204826605	Văn Nguyễn Thảo	Linh	30/09/2003	Đà Nẵng	31TSC11	9.0	6.0	Đạt	
38	26207131828	Nguyễn Thị	Ly	12/03/2002	Quảng Ngãi	29CBN4	4.7	3.8	Không Đạt	
39	27204830719	Nguyễn Lê Hiền	Mai	23/03/2003	Buôn Ma Thu	30TBN11	7.7	6.5	Đạt	
40	28204900336	Trương Thị Trà	Mi	05/01/2004	Quảng Bình	31CHT8	9.0	8.5	Đạt	
41	27214142191	Lê Ngọc	Minh	10/01/2000	Thanh Hóa	31SSC6	8.0	5.6	Đạt	
42	29206223278	Lê Ngọc Thảo	My	30/10/2005	Gia Lai	31THT12	8.7	6.0	Đạt	
43	28207505095	Lê Thị Thanh	My	07/05/2004	Bình Định	31TSC11	8.3	6.3	Đạt	
44	28208040213	Hoàng Kim	Ngân	14/09/2004	Quảng Nam	31CHT7	5.7	5.5	Đạt	
45	28214638371	Hồ Tấn	Nghĩa	16/05/2004	Quảng Nam	31CHT8	8.7	5.5	Đạt	
46	27212201532	Võ Như	Nghĩa	22/11/2003	Hà Tây	31TSC11	9.7	6.5	Đạt	
47	28208029156	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	17/04/2004	Đà Nẵng	31CHT7	9.0	6.0	Đạt	
48	28204302856	Lê Hoàng Minh	Nguyệt	29/06/2004	Đà Nẵng	31CHT7	9.3	5.5	Đạt	
49	26207231088	Lê Thị Thanh	Nhân	26/07/2002	Quảng Nam	31CSC5	9.7	8.5	Đạt	
50	27217001767	Hồ Hữu	Nhân	20/04/2003	Thanh Hóa	31CHT8	3.7	5.5	Không Đạt	
51	28214550663	Trần Phước	Nhất	29/09/2004	Quảng Nam	31TSC11	8.7	5.8	Đạt	
52	29206559246	Trần Hồ Trung	Như	06/11/2005	Quảng Ngãi	31THT12	9.3	5.3	Đạt	
53	25203308368	Trần Thị Kiều	Oanh	30/08/2001	Quảng Nam	27TBN9	8.3	3.0	Không Đạt	
54	28206550581	Đoàn Thị	Phúc	26/09/2004	Quảng Nam	30TSC7	9.3	4.0	Không Đạt	
55	29215124475	Phạm Xuân	Phúc	01/08/2005	Quảng Nam	31CHT8	9.7	5.3	Đạt	
56	28214523704	Trần Hồng	Phúc	18/10/2000	Quảng Ngãi	31TSC11	8.7	5.5	Đạt	
57	29206660699	Đặng Thị Diễm	Phương	01/01/2005	Quảng Nam	31CHT8	0.0	0.0	Không Đạt	
58	28206551718	Trần Thị Kim	Phượng	19/11/2004	Quảng Ngãi	31CHT7	8.7	4.0	Không Đạt	
59	28212305181	Nguyễn Đức Trung	Quân	28/11/2004	Gia Lai	31TSC11	9.0	7.5	Đạt	
60	27205227181	Trần Thảo	Quyên	19/04/2003	Phú Yên	31CBN4	9.0	5.3	Đạt	
61	28204303102	Đinh Nguyễn Thy	Quỳnh	07/01/2004	Phú Yên	31SBN7	9.3	6.0	Đạt	
62	29206725012	Nguyễn Duy Như	Quỳnh	17/02/2005	Quảng Trị	31CHT7	8.3	6.8	Đạt	
63	28208101910	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	05/03/2003	Gia Lai	31CHT7	6.7	5.5	Đạt	
64	28204901451	Phan Nguyễn Ngọc	Quỳnh	19/10/2004	Huế	31SHT6	8.0	5.5	Đạt	
65	28214903826	Hà Phước	Son	19/04/2004	Quảng Bình	31SHT4	6.7	5.0	Đạt	
66	28204900816	Phạm Thị Minh	Tâm	18/06/2004	Quảng Bình	31CHT8	8.3	8.8	Đạt	
67	28204602035	Phạm Thị Thanh	Tâm	04/02/2004	Đắk Lắk	31TSC11	7.0	5.3	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
68	28213780316	Nguyễn Đắc	Thắng	21/10/2003	Quảng Trị	31TSC11	8.3	8.3	Đạt	
69	27211502361	Nguyễn Văn Quốc	Thắng	05/11/2003	Đà Nẵng	31TSC11	7.3	5.5	Đạt	
70	27205234591	Chế Trần	Thi	13/08/2003	Phú Yên	31CBN4	7.7	5.8	Đạt	
71	27204802168	Phan Thái Thiên	Thiên	23/09/2003	Quảng Nam	31SSC6	6.0	5.5	Đạt	
72	27212125291	Hồ Thanh	Thịnh	17/06/2003	Quảng Nam	31TSC8	9.0	5.5	Đạt	
73	28206747114	Hồ Anh	Thơ	19/04/2004	Bình Định	31TSC11	9.3	2.0	Không Đạt	
74	28204500299	Đoàn Thị Mỹ	Thom	19/04/2004	Thừa Thiên H	31CHT8	9.7	5.3	Đạt	
75	27214200739	Hắc Minh	Thư	15/04/2003	Đà Nẵng	31SSC6	6.0	4.0	Không Đạt	
76	27203129710	Hoàng Thị Hoài	Thương	19/03/2003	Thanh Hóa	30TSC13	9.0	5.0	Đạt	
77	28209401280	Lê Thị Thu	Thủy	22/03/2004	Quảng Nam	30CYC4	5.0	3.8	Không Đạt	
78	28209348409	Nguyễn Phạm Thu	Thủy	04/06/2004	Kon Tum	31TSC11	7.0	6.3	Đạt	
79	28204353106	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	17/04/2004	Quảng Nam	31TSC11	7.0	5.5	Đạt	
80	29206500118	Trần Thị	Thủy	10/02/2005	Quảng Trị	31THT12	9.3	7.0	Đạt	
81	28216651424	Phan Thị Kim	Tiên	04/05/2004	Đắk Lắk	31CHT8	6.0	8.8	Đạt	
82	29209548300	Trần Nguyễn Thúy	Tiên	21/12/2005	Thừa Thiên H	31CHT7	0.0	0.0	Không Đạt	
83	28204601464	Trần Tôn Thủy	Tiên	21/06/2004	Đắk Lắk	31CHT8	9.7	8.0	Đạt	
84	28207151457	Lương Thị Thanh	Tiền	25/05/2004	Đà Nẵng	31TSC11	0.0	0.0	Không Đạt	
85	28218004318	Ngô Trọng	Tín	01/12/2004	Đà Nẵng	31TSC11	7.7	5.0	Đạt	
86	27207643283	Huỳnh Vũ Huyền	Trân	07/11/2003	Lâm Đồng	31TSC11	8.3	8.3	Đạt	
87	28206201369	Lê Thị Thảo	Trân	11/11/2004	Bình Định	31CHT7	7.0	1.4	Không Đạt	
88	27204844505	Hoàng Thị Kiều	Trang	19/05/2003	Quảng Bình	30TYC9	7.0	5.8	Đạt	
89	25218707822	Nguyễn	Trí	22/10/2001	Đắk Lắk	31SHT2	7.3	5.5	Đạt	
90	28204337623	Trần Thị Hoài	Trình	08/08/2004	Quảng Nam	31SHT6	8.7	5.5	Đạt	
91	28208024752	Văn Thị Thục	Trình	29/06/2004	Đà Nẵng	31CHT7	7.3	6.0	Đạt	
92	28206746067	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	08/03/2004	Quảng Nam	31CHT7	9.0	5.3	Đạt	
93	28214605512	Trần Xuân	Trung	30/07/2004	Đắk Lắk	31CHT8	10.0	9.5	Đạt	
94	28206503389	Hà Minh	Tú	30/06/2004	Thái Bình	31CHT8	8.7	8.5	Đạt	
95	26203222725	Nguyễn Thị Thanh	Tú	29/04/2002	Đắk Lắk	30THT11	8.7	5.3	Đạt	
96	28212302227	Nguyễn Thanh	Tuấn	27/10/2004	Quảng Ngãi	31TSC11	9.3	5.0	Đạt	
97	28206503671	Nguyễn Thị Mỹ	Ty	24/07/2004	Quảng Ngãi	31CHT7	8.3	5.5	Đạt	
98	27207221532	Nguyễn Thị Thanh	Uyên	20/04/2003	Quảng Ngãi	31SSC1	7.7	5.0	Đạt	
99	27203837388	Trần Lê	Uyên	28/09/2003	Quảng Nam	31CHT7	9.7	8.3	Đạt	
100	28204854947	Nguyễn Thị Tường	Vi	19/06/2004	Quảng Nam	31TYC7	10.0	5.0	Đạt	
101	28216501401	Bùi Văn	Vũ	30/10/2004	Quảng Nam	31CHT7	8.3	6.0	Đạt	
102	28214603468	Trần Long	Vũ	06/10/2004	Quảng Nam	31CHT8	9.3	7.8	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
103	28208004333	Lê Thị Hồng	Yến	30/10/2004	Lâm Đồng	31TSC11	9.0	5.5	Đạt	
104	29204645546	Nguyễn Thị Mỹ	Yến	04/07/2005	Quảng Trị	31CHT7	9.3	5.0	Đạt	

TRUNG TÂM TIN HỌC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh